

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2024.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đăng Đông

2. Bà Vũ Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đào Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu 5, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Cao Văn T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu 5, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Văn T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/01/2005 tại UBND thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng một thời gian rồi làm ăn sinh sống trên thuyền dọc theo sông S. Trong quá trình chung sống, anh chị có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống nhưng không giải quyết được. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng từ năm 2021-2022, do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình. Anh T1 là người chơi cờ, không tu chí làm ăn, thậm chí còn dùng cả tiền vay để kinh doanh dùng vào việc đánh bạc. Do anh T1 chơi cờ, thua lỗ, số nợ tăng lên đến mức phải bán nhà đất để trả nợ. Tuy nhiên, sau khi bán nhà, anh T1 không dùng tiền bán nhà để trả nợ mà cầm để chi tiêu cá nhân hết. Khi những người cho vay đòi thì một mình chị phải trả hoặc khát nợ.

Trong cuộc sống anh T1 có quan hệ nam nữ bất chính với người phụ nữ khác và còn có hành vi thiếu đạo đức, như quấy rối tình dục chị gái của chị T. Khi chị T biết chuyện, anh T1 đã đánh chửi chị, lôi chị ra sông C dìm xuống nước, nhưng chị may mắn thoát được. Tháng 7/2023, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị bỏ về gia đình bố mẹ chị ở thì anh T1 nhiều lần đến gây sự, chửi bới đe dọa. Do sợ ảnh hưởng đến bố mẹ, chị đã thuê nhà xuống khu Phủ, xã Thái Học để ở. Từ đó đến nay, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Cao Văn D, sinh ngày 20/3/2007 (đang chấp hành án tại trại giam) và Cao Văn Q, sinh ngày 21/9/2009 có lúc ở với chị, có lúc ở với anh T1. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu D, còn cháu Q có nguyện vọng ở với ai thì chị cũng tôn trọng quyết định của cháu.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Cao Văn T1 không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Tiến hành lấy lời khai tại nơi làm việc của anh T1, anh khai rằng không đồng ý ly hôn với chị T do muốn giữ mối quan hệ như hiện tại để các con có đủ cả bố và mẹ. Trường hợp anh chị phải ly hôn thì việc nuôi con giải quyết theo nguyện vọng của các con. Ngoài ra, anh T1 không có ý kiến gì khác và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Tài liệu xác minh tại địa phương và lời khai của người làm chứng cho thấy: Chị Đào Thị T và anh Cao Văn T1 có đăng ký kết hôn và được gia đình tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn và hiện sống ly thân. Nay chị T xin ly hôn anh T1, đề nghị Tòa án căn cứ tình trạng hôn nhân của anh chị để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và mở phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T1. Về con chung: Giao chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q, cháu D và ghi sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị T khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình,

là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Cao Văn T1 có địa chỉ tại thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn không có yêu cầu phản tố, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đào Thị T và anh Cao Văn T1 được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/01/2005 tại UBND thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương là hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân của anh chị thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó, do không hợp nhau mà phát sinh mâu thuẫn. Lúc đầu là mâu thuẫn nhỏ nhưng không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn lớn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau về lối sống, không thống nhất trong việc phát triển kinh tế gia đình dẫn đến thua lỗ; khi điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, anh T1 không những không tập trung làm kinh tế mà còn chơi bời, dùng tiền chung để chi tiêu cá nhân khiến vợ chồng thường xảy ra va chạm, nhiều lần anh T1 đánh đập chị T. Do không thể chịu đựng được cuộc sống chung với anh T1, chị T đã bỏ về gia đình bố mẹ để chị sinh sống. Anh T1 đã nhiều lần tìm đến chửi bới, đe dọa chị. Sau đó, chị T đã thuê nhà ở riêng, tránh việc anh T1 đến chửi bới, ảnh hưởng đến bố mẹ chị. Từ tháng 7/2023 đến nay, anh chị ly thân hoàn toàn, không quan tâm, gặp gỡ nhau. Việc anh T1 không đồng ý ly hôn chị T không xuất phát từ tình cảm anh dành cho chị T, thể hiện bằng việc anh tìm chị T không phải để tìm biện pháp cải thiện quan hệ hôn nhân mà là để chửi bới, đe dọa chị. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị được ly hôn với Tiến.

[2] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Cao Văn D, sinh ngày 20/3/2007 (hiện đang chấp hành án phạt tù) và Cao Văn Q, sinh ngày 21/9/2009 hiện do anh T1 nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi cháu D còn cháu Q có nguyện vọng ở với ai chị cũng đồng ý và chị tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Anh T1 mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì vấn đề con chung đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các con. Tại lời khai của mình, cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đào Thị T:

- Về hôn nhân: Cho chị Đào Thị T ly hôn anh Cao Văn T1.

- Về con chung: Giao cả hai con Cao Văn D, sinh ngày 20/3/2007 và Cao Văn Q, sinh ngày 21/9/2009 cho chị Đào Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Cao Văn T1 cấp dưỡng cho con. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0002141 ngày 08/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương (CNKH số 03/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính